

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2025
V/v tranh chấp “Ly hôn,
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Cúc;

- Bà Lê Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Như – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Anh Thúy V, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số A đường H, Phường 1 B, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là: Số A đường H, Phường X, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. (Xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tân C, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp Y, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp Y, xã MN, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Anh Thúy V trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tân C tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian quen nhau khoảng 01 năm thì chị có con nên không tổ chức đám cưới. Hai bên đăng ký kết hôn vào ngày 25-11-2019 tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành

phố BL, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng về ở cùng nhau từ đầu năm 2020 bên nhà chị tại Lâm Đồng, sống hạnh phúc được 01 năm. Khi chị sinh con được khoảng 03 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh C sử dụng ma túy đá, lấy căn cước công dân của chị, bán laptop, xe máy của chị để lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng tháng 6/2020 thì anh C bỏ đi và không liên lạc gì đến chị từ đó đến nay. Chị có liên lạc để ly hôn vào năm 2023, anh C hứa hẹn ra Tòa để giải quyết nhưng cuối cùng không ra. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Nguyễn Anh Quỳnh T, sinh ngày 20-3-2020. Từ lúc sinh ra đến nay đều do chị nuôi dưỡng, nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Nguyễn Tấn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị V, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến, theo đó, việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đến trước khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định, bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Anh Thúy V và anh Nguyễn Tấn C tranh chấp về ly hôn; anh C cư trú tại ấp Y, xã M, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

[2] Nguyên đơn, chị Nguyễn Anh Thúy V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn, anh Nguyễn Tấn C không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều

227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh C, chị V.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Tấn C và chị Nguyễn Anh Thúy V là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng (Nay là Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 25-11-2019. Theo chị V, chị và anh C tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, khi về chung sống cùng nhau được khoảng một năm, đến khi sinh con được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do anh C sử dụng ma túy đá, bán tài sản của chị V để tiêu xài. Từ tháng 6-2020 đến nay, anh C đã bỏ đi không còn chung sống vợ chồng với chị V, không quan tâm gì đến con chung, chị V không liên lạc được với anh C, hai bên không có biện pháp gì để đoàn tụ. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn do chị V nêu, nhưng anh C không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh C cũng không đến Tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó đã cho thấy anh C không còn quan tâm đến hôn nhân với chị V. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và *“vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”*. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh C và chị V đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ.

[4] Về con chung: Theo lời trình bày của chị V, chị và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh Quỳnh T, sinh ngày 20-3-2020. Chị V yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Anh C không có ý kiến gì phản đối yêu cầu của chị V. Xét việc nuôi dưỡng cháu T hiện nay do chị V là người trực tiếp thực hiện, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết tiếp tục giao con chung cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp, do chị V chưa yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét đến, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết sau.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V, anh C đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết sau bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Anh Thúy V là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Anh Thúy V.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Anh Thúy V được ly hôn với anh Nguyễn Tấn C.

- Về con chung:

+ Giao cháu Nguyễn Anh Quỳnh T, sinh ngày 20-3-2020 cho chị Nguyễn Anh Thúy V là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

+ Anh Nguyễn Tấn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Anh Thúy V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003107 ngày 26-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Anh Thúy V, anh Nguyễn Tấn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND Phường 1 B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thực